

Bản án số: **44/2019/KDTM-ST**

Ngày: 11-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê  
tài chính.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Hiếu Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc;

2. Bà Vũ Thị Thu Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Thế Đức – Kiểm sát viên

Trong các ngày 27/8/2019 và 11/9/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST- KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXXST-KDTM ngày 09/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2019/QĐST - KDTM ngày 06/8/2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính T (CÔNG TY T)

Trụ sở: Đường Đ, phường H, quận C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông La Huỳnh Phi V, GUQ số 02/UQ-CÔNG TY T.HĐTV ngày 02/01/2019 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Công ty TNHH Ô Mê G.

(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

Trụ sở: Đường S, Phường A, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Lê Thủy T – Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thường trú: Đường S, Phường A, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2018 và bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 11/3/2008 Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính T (gọi tắt là Công ty T) ký kết hợp đồng cho thuê tài chính cho Công ty TNHH Ô Mê G (gọi tắt là Công ty G) thuê tài chính 08 máy móc thiết bị ngành gỗ với tổng trị giá tài sản thuê tài chính là 2.112.376.008 (hai tỷ một trăm mười hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm lẻ tám) đồng theo hợp đồng cho thuê tài chính số 54.08.12/CTTC-CNHCM; nợ gốc cho thuê là 1.364.598.203 (một tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi tám nghìn hai trăm lẻ ba) đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Về lãi suất được thỏa thuận như sau:

- Lãi suất trong hạn được tính như sau: lãi suất cho thuê tài chính 01 tháng đối với VNĐ = Lãi suất cho thuê tài chính cơ sở VNĐ do Công ty T công bố trừ biên độ 0,2%/tháng. Chu kỳ điều chỉnh lãi suất: định kỳ vào ngày 01/02 và 01/8 hàng năm. Cụ thể:

- + Từ ngày 30/5/2008 đến 31/7/2008 là 1,5%/tháng (18%/năm)
- + Từ ngày 01/8/2008 đến 31/01/2009 là 1,75%/tháng (21%/năm)
- + Từ ngày 01/02/2009 đến 02/4/2009 là 0,875%/tháng (10,5%/năm)
- + Từ ngày 03/4/2009 đến nay áp dụng lãi suất ưu đãi 0%/tháng

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 30/5/2008 và ngày 23/7/2008, Công ty T đã hoàn tất việc tài trợ vốn với số tiền gốc là 1.364.598.203 đồng để Công ty G đầu tư mua thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Các tài sản thuê tài chính gồm 08 máy móc thiết bị ngành gỗ được liệt kê như sau:

- 02 bộ máy router, model SHMS2030C CNC Router có số seri 0805110815 và 0805121719.

- 01 bộ máy cắt laser, model SHS1212 3D Laser Scanner, số seri 0805131521.

- 01 bộ máy hút bụi, model 18000.

- 02 bộ máy dán cạnh tự động, model QMFZ-I

- 01 bộ máy cửa bàn trượt, model MJK1132BI

- 01 bộ máy dán ép, model XY-S-A2500 (No.1)

Các tài sản này thuộc sở hữu của Công ty T, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Tp.Hồ Chí Minh ngày 24/9/2008.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty G liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty T đã tiến hành xử lý toàn bộ tài sản thuê của hợp đồng cho thuê tài chính trên để thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ.

Tại phiên tòa, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc Công ty G trả cho Công ty T số tiền còn nợ của hợp đồng cho thuê tài chính số 54.08.12/CTTC-CNHCM ngày 11/3/2008 là 813.754.259 (tám trăm mười ba

triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi chín) đồng. Trong đó, nợ gốc: 703.612.542 đồng; nợ lãi trong hạn: 62.970.332 đồng, chi phí xử lý tài sản: 47.171.385 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Công ty G nhưng bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án. Tòa án cũng đã tiến hành hai phiên hòa giải nhưng không hòa giải được. Tại phiên tòa, dù đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH Ô Mê G phải trả nợ cho Công ty T số tiền nợ gốc 703.612.542; về nợ lãi bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn sẽ do Hội đồng xét xử xem xét, tính toán cụ thể.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Xét thấy nguyên đơn Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn: Công ty G phải trả tiền đã vay theo hợp đồng cho thuê tài chính, đây là vụ án kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”. Bị đơn có trụ sở tại Quận M, Tp. Hồ Chí Minh nên theo khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung khởi kiện:**

Căn cứ vào hợp đồng cho thuê tài chính xác định: Công ty G và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính T có ký hợp đồng cho thuê tài chính với tổng trị giá tài sản thuê tài chính là 2.112.376.008 (hai tỷ một trăm mười hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm lẻ tám) đồng. Công ty T cho thuê 65% giá trị tài sản là 1.364.598.203 (một tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi tám nghìn hai trăm lẻ ba) đồng.

Kể từ khi giải ngân cho đến thời điểm xét xử, Công ty G mới thanh toán cho Công ty T được số tiền 660.985.661 đồng nợ gốc, tiền lãi trong hạn:

126.518.401 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.604.092 đồng (số tiền gốc và lãi trên đã bao gồm số tiền trích từ khoản ký quỹ và tiền xử lý toàn bộ tài sản thuê). Từ tháng 03/2011 Công ty G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết do đó có cơ sở xác định Công ty G còn nợ Công ty T số tiền gốc của hợp đồng là 703.612.542 đồng, tiền lãi trong hạn là 62.970.332 đồng, chi phí xử lý phá sản sau khi khấu trừ các khoản chi liên quan đến việc thu và xử lý tài sản cho thuê là 47.171.385 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, nên Công ty T là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng tiền đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật. Tuy nhiên, theo bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của Công ty T thì Công ty T chỉ yêu cầu : Công ty G thanh toán tổng số tiền còn nợ là 813.754.259 (tám trăm mười ba triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi chín) đồng. Công ty T không yêu cầu Công ty G phải trả thêm tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng là có lợi cho bị đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc: Công ty G phải trả số tiền nợ gốc: 703.612.542 đồng; nợ lãi trong hạn: 62.970.332 đồng, chi phí xử lý tài sản: 47.171.385 đồng, là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 3 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH Ô Mê G trả cho Công ty TNHH MTV Cho thuê tài

chính T số tiền còn nợ của hợp đồng cho thuê tài chính số 54.08.12/CTTC-CNHCM ngày 11/3/2008 là 813.754.259 (tám trăm mười ba triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi chín) đồng. Trong đó, nợ gốc: 703.612.542 (bảy trăm lẻ ba triệu sáu trăm mười hai nghìn năm trăm bốn mươi hai) đồng; nợ lãi trong hạn: 62.970.332 (sáu mươi hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn ba trăm ba mươi hai) đồng, chi phí xử lý tài sản: 47.171.385 (bốn mươi bảy triệu một trăm bảy mươi một nghìn ba trăm tám mươi lăm) đồng.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**2. Về án phí:** Công ty G phải chịu án phí sơ thẩm là 36.412.628 (ba mươi sáu triệu bốn trăm mười hai nghìn sáu trăm hai mươi tám) đồng. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.206.314 (mười tám triệu hai trăm lẻ sáu nghìn ba trăm mười bốn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0017168 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.M;
- Chi cục THADS Q.M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Mai Hiếu Hạnh**